TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 521/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24-9-2020
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con giữa chị T với anh Th.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C,TỈNH AN GIANG

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ.

2. Ông Nguyễn Hoàng Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Châu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 124/2020/QĐXXST–HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1975 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Khánh Phát, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Anh Lê Tiến Th, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp Khánh Phát, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 5 năm 2019 và trong quá trình hòa giải, xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

1. Về hôn nhân: Vợ chồng anh chị tự nguyện tiến đến nhân vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Núi Thượng, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng dần về sau

phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân từ ngày 02/9/2018 đến nay, nay chị nhận thấy tình cảm không còn xin được ly hôn với anh Th.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thị Thùy Linh, sinh ngày 19/02/2010, hiện cháu Linh đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Linh và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn anh Th. Giao cháu Linh cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên đề nghị không xem xét theo. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, Giấy khai sinh của cháu Linh (bản sao), đơn xin xét xử vắng mặt, bản nguyện vọng của con...

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp của các đương sự là về ly hôn, bị đơn có địa chỉ thường trú tại địa bàn huyện C, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định pháp luật tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh Th đã tự nguyện xác lập quan hệ vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Núi Tượng, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 30, ngày 07/8/2009. Do đó, hôn nhân giữa chị T và anh Th là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, đời sống chung không hòa hợp anh chị ly thân đã lâu. Tòa án mở phiên hòa giải nhiều lần nhằm mục đích hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng anh Th không tham dự, để mặc cho chị T tự giải quyết, thời gian ly thân là thời gian để anh chị tự suy ngẫm và hàn gắn quan hệ vợ chồng, nhưng anh chị không hàn gắn được, cho thấy anh chị đã không còn yêu thương nhau, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, anh chị đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng trong thời kỳ hôn nhân làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu ly hôn với anh Th là có cơ sở, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[2.2] Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Thị Thùy Linh, sinh ngày 19/02/2010, hiện cháu Linh đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Linh và không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con.

Xét, từ khi ly thân đến nay chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Linh, anh Th không cùng chị T chăm lo cho cháu, cháu Linh có nguyện vọng được chung sống với chị T. Xét yêu cầu của chị T và nguyện vọng của cháu Linh, để tạo điều kiện phát triển về mọi mặt, ổn định tinh thần, sinh sống học tập cho cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Linh cho chị T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp quy định.

Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân, gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 19, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn anh Lê Tiến Th.

Giấy chứng nhận kết hôn số 30, ngày 07/8/2009 của Ủy ban nhân dân xã xã Núi Tượng, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai không còn giá trị pháp lý.

2. Về nuôi con chung: Chị T và anh Th có 01 con chung tên Lê Nguyễn Thùy Linh, sinh ngày 19/02/2010, hiện cháu Linh đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Linh cho chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0006301 ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Núi Th;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Thi

TH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Chào Nguyễn Ngọc Đầy Lê Thị Hồng Thi

TH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Bờ Nguyễn Thị Kim Phượng Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Bình An, Châu Th, tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Thi

TH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Bờ **Phạm Văn Trung** **Lê Thị Hồng Thi**

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tiền Đoàn Văn Hiển **Lê Thị Hồng Thi**

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 9 năm 2018.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện C.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Thi.

+ Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tiền.

2. Ông Đoàn Văn Hiển.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 308/2018/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" giữa:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị Xuân, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp Bình Thạnh, xã Bình Chánh, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thanh Phương, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Tổ 01, ấp Bình Lộc, xã Bình Chánh, huyện C, tỉnh An Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

- Về quan hệ pháp luật: Biểu quyết 3/3.

"Tranh chấp ly hôn"

- Về áp dụng pháp luật: Biểu quyết 3/3.

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về nội dung vụ án:

1. Về hôn nhân: Biểu quyết 3/3.

Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Xuân và anh Nguyễn Thanh Phương.

2. Về con chung: Biểu quyết 3/3.

Có 02 con chung tên Nguyễn Thanh Nam, sinh ngày 19 tháng 11 năm 2004 và Nguyễn Thị Bích Tuyền, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2007 giao 02 con chung cho anh Phương trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Xuân có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung không có: Biểu quyết 3/3.

Hội đồng xét xử không xem xét

4. Về án phí sơ thẩm: Biểu quyết 3/3.

Chị Phan Thị Xuân phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002185 ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5. Về quyền kháng cáo: Biểu quyết 3/3.

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, đương sự văng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nghị án kết thúc vào hồi 11 giờ 15 phút, ngày 28/9/2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả Th viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

TH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tiền Đoàn Văn Hiển Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
TÒA
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Đào Hữu Cảnh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Lê Thị Hồng Thi

HỘI THẨM NHÂN DÂN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tiền Trần Thị Kim Bình Lê Thị Hồng Thi

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Bình Mỹ;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

TÒA

Lê Thị Hồng Thi

TÒA ÁN NHÂN DÂN
NAM
HUYỆN C
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

C, ngày 26 tháng 01 năm 2015

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Về "T/c về ly hôn", giữa:
1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh Tùng, sinh năm 1984
2. Bị đơn: Chị Phan Thị Thi, sinh năm 1992
Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Ngọc Phỉ
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Trần Nghi Bình; Ông Huỳnh Công Tấn
Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử thống nhất như sau:
* Về quan hệ pháp luật: "tranh chấp về ly hôn": Thống nhất 3/3

* Về áp dụng pháp luật: điểm b Điều 199, khoản 3 Điều 202, khoản 4 Điều 131, khoản 1 Điều 245 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Thống nhất 3/3

* Về nội dung:

- Anh Lê Thanh Tùng được ly hôn với chị Phan Thị Thi: Thống nhất 3/3

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Sẽ giải quyết Th vụ án khác khi đương sự có yêu cầu: Thống nhất 3/3.

- Về án phí: Anh Tùng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 200.000đ, được trừ vào 200.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001166 ngày 02 tháng 10 năm 2014 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc được niêm yết: Thống nhất 3/3

Trương hợp bán án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự: Thống nhất 3/3.

Các Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Trần Nghi Bình	Huỳnh Công Tấn	Ngô Ngọc Phỉ